

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 90

GIẢI THÍCH PHẨM TÁM MƯƠI: THẬT TẾ

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Nếu chúng sinh rớt ráo không thể có được, thì Bồ-tát vì ai nên hành Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát vì thật tế nên hành Bát-nhã Ba-la-mật. Nay Tu-bồ-đề! Thật tế với chúng sinh tế khác nhau thì Bồ-tát không hành Bát-nhã Ba-la-mật. Vì thật tế và chúng sinh tế không khác nhau nên Bồ-tát vì lợi ích chúng sinh hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật không phá hoại thật tế mà kiến lập chúng sinh trong thật tế.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu thật tế tức là chúng sinh tế thì Bồ-tát kiến lập thật tế nơi thật tế, nếu kiến lập thật tế nơi thật tế thì là kiến lập tự tính nơi tự tính. Bạch đức Thế Tôn! Kiến lập tự tính nơi tự tính Không thể được, làm sao Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, kiến lập chúng sinh nơi thật tế?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Thật tế không thể kiến lập nơi thật tế, tự tính Không thể kiến lập nơi tự tính. Nay Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, do sức phương tiện nên kiến lập chúng sinh nơi thật tế. Thật tế cũng chẳng khác chúng sinh tế, thật tế và chúng sinh tế không hai không khác.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là sức phương tiện của Bồ-tát? Dùng sức phương tiện ấy, Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật kiến lập chúng sinh nơi thật tế, cũng không phá hoại tướng thật tế?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, dùng sức phương tiện kiến lập chúng sinh nơi bố thí thì khi kiến lập rồi, nói bố

thí tiền tế (đời trước), hậu tế (đời sau) đều không, nói rằng: Bố thí như vậy tiền tế không, hậu tế không, trung tế cũng không, người bố thí cũng không, quả báo bố thí cũng không, người nhận thí cũng không. Nay các thiện nam tử! Hết thấy pháp trong thật tế đều không thể có được, các ông chớ nghĩ rằng: Bố thí khác, người bố thí khác, quả báo bố thí khác, người nhận thí khác. Nếu các ông không nghĩ rằng bố thí khác, người bố thí khác, quả báo bố thí khác, người nhận thí khác, thì khi ấy bố thí mới nhận được vị cam lồ, được quả của vị cam lồ. Nay thiện nam tử! Vì bố thí như vậy nên chớ tham trước sắc, chớ tham trước thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì bố thí, tướng bố thí ấy không; người thí, người thí không; quả báo bố thí, quả báo bố thí không; người nhận thí, người nhận thí không; trong không, sự bố thí không thể có được; người thí không thể có được, quả báo thí không thể có được, người nhận thí không thể có được. Vì sao? Vì các pháp ấy tự tính rỗng ráo không.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi hành Bát-nhã, do sức phương tiện dạy chúng sinh trì giới, nói rằng: Nay thiện nam tử! Trừ bỏ việc sát sinh cho đến trừ bỏ tà kiến. Vì sao? Vì pháp của các người phân biệt biết, pháp ấy không có tính như vậy. Các thiện nam tử nên suy nghĩ kỹ thế nào là chúng sinh mà muốn cướp mạng sống? Dùng vật gì để cướp mạng, cho đến thế nào là tà kiến cũng như vậy. Bồ-tát dùng sức phương tiện như vậy thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, vì chúng sinh nói quả báo bố thí, trì giới và quả báo bố thí, trì giới ấy tự tính là không; biết quả báo bố thí, trì giới tự tính là không rồi thì không tham trước trong đó, vì không tham trước nên tâm không tán loạn, có thể phát sinh trí tuệ, do trí tuệ ấy dứt hết thấy kiết sử phiền não, vào Vô dư Niết-bàn. Đây là nói theo pháp thế tục, chẳng phải thật đệ nhất nghĩa. Vì sao? Vì trong tính Không không có diệt, cũng không có người khiến diệt. Các pháp rỗng ráo không, tức là Niết-bàn.

Lại nữa, Bồ-tát thấy chúng sinh sinh tâm sân hận não hại, dạy rằng: Các người đến đây tu hạnh nhẫn nhục, làm người nhẫn nhục sẽ được vui nhẫn nhục. Cái giận của người tự tính là không. Các người hãy đến đây suy nghĩ như vậy: Ta giận đối với cái gì? Ai là người giận? Giận ai? Vì pháp ấy đều không. Pháp tự tính là không, không lúc nào chẳng không. Tính Không ấy chẳng phải Phật làm, chẳng phải Bích-chi Phật làm, chẳng phải Thanh văn làm, chẳng phải Bồ-tát làm, chẳng phải trời, quỷ, thần, long vương, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Bốn thiên vương cho đến trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng, trời Tịnh cư cho đến trời Phi-hữu-tướng Phi-vô-tướng xứ làm ra. Các người nên suy nghĩ như vậy:

Giận ai? Ai là người giận? Giận việc gì? Tất cả thứ ấy đều là tính Không; tính Không thì không có gì giận. Như vậy Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, do nhân duyên ấy kiến lập chúng sinh nơi tính Không rồi lần lượt cứu vớt chỉ dạy, làm lợi ích vui mừng khiến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây là nói theo pháp thế tục, chẳng phải thật nghĩa đệ nhất. Vì sao? Vì trong tính Không, không có người đắc, không có pháp đắc, không có chỗ đắc. Nay Tu-bồ-đề! Ấy gọi là thật tế tính Không, Bồ-tát vì chúng sinh nên thực hành pháp ấy. Chúng sinh cũng không thể có đủ được. Vì sao? Vì hết thấy pháp lìa tướng chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, do sức phương tiện thấy chúng sinh giải đãi, dạy khiến thân tinh tấn, tâm tinh tấn, nói rằng: Nay thiện nam tử, trong các pháp tự tính là không, không có giải đãi không có người giải đãi, không có việc giải đãi; hết thấy pháp tự tính đều không, không có cái gì vượt qua tính Không. Các người thân tinh tấn, tâm tinh tấn, vì phát sinh thiện pháp nên chớ giải đãi. Thiện pháp là hoặc bố thí, hoặc trì giới, hoặc nhẫn nhục, hoặc tinh tấn, hoặc thiền định, hoặc trí tuệ, hoặc các thiền, các định, giải thoát, tam-muội, bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo hoặc không, vô tướng, vô tác giải thoát môn cho đến mười tám pháp không chung, chớ giải đãi. Nay thiện nam tử! Trong hết thấy pháp tự tính là không, nên biết không có chướng ngại, trong không chướng ngại, không có người giải đãi, không có việc giải đãi.

Như vậy, Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật dạy chúng sinh an trú nơi tính Không, không rơi vào trong hai pháp. Vì sao? Vì tính Không, không hai không khác nên không có hai pháp, không có chỗ để có thể tham trước.

Lại nữa, Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật tính Không, dạy chúng sinh khiến tinh tấn nói rằng: Nay thiện nam tử! Siêng tinh tấn hoặc bố thí, hoặc trì giới, hoặc nhẫn nhục, hoặc tinh tấn, hoặc thiền định, hoặc trí tuệ, hoặc các thiền, các định, giải thoát, tam-muội, bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo, hoặc môn không, vô tướng, vô tác giải thoát, hoặc mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi. Các pháp ấy các ông chớ nghĩ là có hai tướng, chớ nghĩ không hai tướng. Vì sao? Vì pháp ấy tự tính đều không; tự tính Không, nên không nên dùng hai tướng để nghĩ, không nên dùng chẳng phải hai tướng để nghĩ tới. Như vậy Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, dùng sức phương tiện thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, thành tựu chúng rồi thứ lớp dạy khiến được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi Phật, vào địa vị Bồ-tát được Vô thượng Chánh

đẳng Chánh giác.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, thấy chúng sinh loạn tâm, dùng sức phương tiện vì lợi ích chúng sinh nên nói rằng: Nay thiện nam tử! Nên tu thiền định, các người chớ sinh loạn tưởng, hãy sinh nhất tâm. Vì sao? Vì pháp tự tính đều không, trong tính Không không có pháp nào có thể được, hoặc loạn tâm hoặc nhất tâm. Các người an trú nơi tam-muội ấy, có tạo nghiệp gì hoặc thân, hoặc miệng, hoặc ý, hoặc bố thí, hoặc trì giới, hoặc nhẫn nhục, hoặc tinh tấn, hoặc tu thiền định, hoặc tu trí tuệ, hoặc tu bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo, các môn giải thoát, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, hoặc đạo Thanh văn, hoặc đạo Bích-chi Phật, hoặc Bồ-tát đạo, hoặc Phật đạo, hoặc Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi Phật đạo, hoặc trí Nhất thiết chủng, hoặc thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật, thì các ông đều có thể theo sở nguyện mà được, vì thực hành theo pháp không. Như vậy, nếu Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, dùng sức phương tiện vì lợi ích chúng sinh, nên từ khi mới phát tâm trọn không giải đãi phế bỏ, thường cầu thiện pháp lợi ích chúng sinh, từ một cõi Phật đến một cõi Phật cúng dường chư Phật, theo Phật nghe pháp, xả thân thọ thân cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trọn không quên mất. Bồ-tát ấy thường được các môn Đà-la-ni, các căn đầy đủ là thân căn, ngữ căn, ý căn. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy thường tu trí Nhất thiết chủng, tu trí Nhất thiết chủng nên hết thấy các đạo đều tu: Hoặc đạo Thanh văn, đạo Bích-chi Phật, đạo thần thông của Bồ-tát. Hành Bồ-tát đạo thần thông, thường lợi ích chúng sinh trọn không quên mất. Bồ-tát ấy ở trong thần thông do quả báo được làm lợi ích chúng sinh, vào trong năm đường sinh tử trọn không sút giảm. Như vậy, Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật trú trong tính Không, do thiền định làm lợi ích chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, trú trong tính Không, do sức phương tiện nên lợi ích chúng sinh, nói rằng: Nay thiện nam tử! Nên quán hết thấy pháp tính Không, các người sẽ tạo các nghiệp, hoặc thân nghiệp, hoặc khẩu nghiệp, hoặc ý nghiệp mà nhận thấy vị cam lồ, được quả cam lồ, không có sự thối chuyển. Vì sao? Vì tính Không, trong tính Không không có thối chuyển, cũng không có người thối chuyển. Vì sao? Vì tính Không chẳng phải là pháp, chẳng phải là phi pháp, ở trong pháp không có sở hữu làm sao có thối chuyển? Bồ-tát khi hành Bát-nhã như vậy dạy chúng sinh thường không giải đãi phế bỏ. Bồ-tát tự hành mười

thiện, cũng dạy người khác hành mười thiện; dạy năm giới, tám giới cũng như vậy. Tự mình hành Sơ thiện, cũng dạy người khác hành Sơ thiện, cho đến đệ Tứ thiện cũng như vậy. Tự mình hành từ tâm, cũng dạy người khác hành từ tâm cho đến hành xả tâm cũng như vậy. Tự mình hành vô biên không xứ, cũng dạy người khác hành vô biên không xứ, cho đến Phi-hữu-tưởng Phi-vô-tưởng xứ cũng như vậy. Tự mình hành bốn niệm xứ, cũng dạy người khác hành bốn niệm xứ, cho đến tám phần thánh đạo, mười lực của Phật cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình cũng như vậy. Tự mình đối với quả Tu-đà-hoàn sinh trí tuệ và không trú trong ấy, cũng dạy người khiến được quả Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán cũng như vậy. Tự mình đối với Bích-chi Phật đạo sinh trí tuệ và không trú trong ấy, cũng dạy người khiến được Bích-chi Phật đạo. Tự mình được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng dạy người khiến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy, Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật, dùng sức phương tiện nên trọn không giải đãi.

Tu-Bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp tính thường không, trong thường không, chúng sinh không thể có được. Pháp và chẳng phải pháp cũng không thể có được, vậy làm sao Bồ-tát cầu trí Nhất thiết chủng.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Như lời ông nói, các pháp tính đều không; trong tính Không, chúng sinh không thể có được; pháp và chẳng phải pháp cũng không thể có được. Nay Tu-bồ-đề! Nếu hết thấy pháp tính chẳng không thì Bồ-tát không nương tính Không mà thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì chúng sinh thuyết về tính Không. Nay Tu-bồ-đề! Vì sắc tính Không, thọ, tưởng, hành, thức tính Không nên Bồ-tát khi tu Bát-nhã Ba-la-mật, thuyết pháp năm uẩn tính Không, thuyết pháp mười hai nhập, mười tám giới tính Không, thuyết bốn thiện, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo tính Không; thuyết ba môn giải thoát, định chín thứ lớp, mười lực của Phật cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình tính Không; thuyết quả Tu-đà-hoàn cho đến đạo Bích-chi Phật, trí Nhất thiết chủng dứt phiền não tập khí tính Không. Nay Tu-bồ-đề! Nếu tính nội không chẳng không, tính ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không chẳng không, thì là phá hoại không tính. Không tính ấy chẳng thường chẳng đoạn. Vì sao? Vì tính Không, không có trú xứ, cũng không từ đâu lại, cũng không đi về đâu; ấy gọi là tướng pháp trụ, trong ấy không có pháp không tụ, không tán, không thêm, không bớt, không sinh, không diệt, không nhớ, không sạch; ấy là tính các pháp. Bồ-tát trú trong ấy phát tâm Vô thượng Chánh

đẳng Chánh giác, không thấy pháp có chỗ phát sinh, không phát, không trụ; ấy gọi là tướng pháp trụ. Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật thấy hết thấy pháp tính Không, không thoát chuyển Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì Bồ-tát không thấy có pháp làm chướng ngại thì vì chỗ nào mà sinh nghi? Ấy gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tính Không. Không thể có chúng sinh, không thể có ngã, có nhân, có thọ giả, có mạng căn, cho đến không thể có được kẻ biết kẻ thấy; trong tính Không, sắc không thể có được, thọ, tưởng, hành, thức không thể có được, cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình không thể có được. Thí như Phật hóa làm bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, U-bà-tắc, Ưu-bà-di, thường vì bốn chúng thuyết pháp trải qua ngàn vạn ức kiếp không dứt.

Này Tu-Bồ-đề! Các chúng biến hóa ấy sẽ được thọ ký quả Tu-đà-hoàn cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Thưa không, Bạch đức Thế Tôn. Vì sao? Vì các chúng biến hóa ấy không có căn bản thật sự. Hết thấy pháp tính Không cũng không có căn bản thật sự, làm sao chúng sinh ấy được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng như vậy, vì chúng sinh thuyết tính Không, chúng sinh ấy thật không thể có được, chỉ vì chúng sinh bị đọa vào điên đảo nên kéo chúng sinh khiến an trú chỗ không điên đảo. Điên đảo tức là không điên đảo, điên đảo và không điên đảo tuy một tướng mà có nhiều người điên đảo, ít người không điên đảo. Trong chỗ không có điên đảo thì không có ta, không có chúng sinh, cho đến kẻ biết, kẻ thấy; trong chỗ không điên đảo cũng không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không có mười hai nhập, cho đến không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; ấy là các pháp tính Không. Bồ-tát trú trong ấy, khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, đối với chúng sinh điên đảo kéo họ ra, đó là không có chúng sinh, mà có tướng chúng sinh kéo họ ra, cho đến từ trong tướng có kẻ biết, có kẻ thấy họ kéo ra. Nơi không có sắc mà chấp có tướng sắc, nơi không có thọ, tưởng, hành, thức, mà chấp có tướng của thọ, tưởng, hành, thức, kéo chúng sinh ra; mười hai nhập, mười tám giới cho đến pháp hữu lậu cũng như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Cũng có các pháp vô lậu là bốn niệm xứ, cho đến tám phần thánh đạo. Các pháp ấy tuy vô lậu mà cũng không bằng đệ nhất nghĩa. Tướng đệ nhất nghĩa là vô tác, vô vi, vô sinh, vô tướng, vô thuyết... Đệ nhất nghĩa cũng gọi là tính Không, cũng gọi là Phật đạo, trong ấy không thể có được chúng sinh cho đến không thể có được kẻ

biết kể thấy, không có được sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến không thể có được Tám mươi vẻ đẹp tùy hình. Vì sao? Vì Bồ-tát chẳng phải vì đạo pháp nên cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà chính vì pháp thật tướng tính Không nên cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tính Không ấy tiền tế, hậu tế, trung tế cũng là tính Không, thường tính Không, không có lúc nào chẳng phải là tính Không. Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật tính Không, vì chúng sinh tham đắm tướng chúng sinh mà muốn kéo ra nên cầu Đạo chủng trí. Khi cầu Đạo chủng trí tu khắp hết thấy đạo, hoặc đạo Thanh văn, hoặc đạo Bích-chi Phật, hoặc đạo Bồ-tát. Bồ-tát đầy đủ hết thấy đạo, kéo chúng sinh ra khỏi tà tướng chấp trước, nghiêm tịnh cõi Phật xong, tùy theo thọ mạng của họ đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Quá khứ mười phương Phật đạo tính Không, vị lai, hiện tại mười phương Phật đạo cũng tính Không; lia tính Không thì thế gian không có đạo, không có đạo quả, cần phải thân cận theo Phật, nghe các pháp tính Không, thực hành pháp ấy thì không mất Nhất thiết trí.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Rất sâu sắc, hiếm có! Các Bồ-tát hành tính Không ấy cũng không phá hoại tính Không; nghĩa là sắc khác với tính Không; thọ, tưởng, hành, thức khác với tính Không, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác khác với tính Không. Nhưng sắc tức là tính Không, tính Không tức là sắc, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tức là tính Không, tính Không tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Nếu sắc khác với tính Không, thọ, tưởng, hành, thức khác với tính Không, thì Bồ-tát không thể được trí Nhất thiết chủng, song đây sắc không khác tính Không, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không khác tính Không, nên Bồ-tát biết hết thấy pháp tính Không, mà phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì trong ấy không có pháp hoặc thật hoặc thường, chỉ có phàm phu tham trước vào sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Phàm phu thủ lấy tướng sắc, thủ lấy tướng thọ, tưởng, hành, thức, có ngã tâm chấp trước vật trong ngoài nên thọ thân sau; vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức thế nên không thể giải thoát sinh già bệnh chết, sầu ưu khổ não, qua lại năm đường. Vì việc ấy nên Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật tính Không, không phá hoại sắc pháp hoặc không, hoặc chẳng không. Vì sao? Vì tướng sắc tính Không, không phá hoại sắc, nghĩa là cho ấy là sắc, ấy là không; thí như hư không không phá hoại hư không; hư không bên trong không phá hoại hư không bên ngoài, hư không bên ngoài không phá hoại

hư không bên trong. Như vậy, sắc không phá hoại tính sắc không, tính sắc không không phá hoại sắc. Vì sao? Vì hai pháp ấy không có tự tính có thể phá hoại. Nghĩa là cho đó là không, đó là chẳng phải không, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng như vậy.

Tu-Bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp là không, không có phân biệt, thì làm sao Bồ-tát từ khi mới phát tâm lại đây nguyện rằng: Ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu hết thấy pháp không có phân biệt, làm sao Bồ-tát phát tâm rằng ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu phân biệt các pháp thì không thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Nếu Bồ-tát hành hai tướng thì không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu phân biệt làm hai phần thì không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu không hai không phân biệt các pháp thì đó là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-đề là trống không không hai, không phá hoại. Bồ-đề ấy không hành trong sắc, không hành trong thọ, tưởng, hành, thức, cho đến cũng không hành trong Bồ-đề. Vì sao? Vì sắc tức là Bồ-đề, Bồ-đề tức là sắc không hai, không phân biệt, cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy. Bồ-đề ấy chẳng phải thủ nên hành, chẳng phải xả nên hành.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ-đề của Bồ-tát vì chẳng phải thủ nên hành, chẳng phải xả nên hành, vậy thì Bồ-đề của Bồ-tát hành chỗ nào?

Phật bảo Tu-Bồ-đề: Ý ông nghĩ sao? Như người của Phật biến hóa hành ở chỗ nào? Hành trong thủ hay hành trong xả?

Tu-Bồ-đề thưa: Chẳng phải hành trong thủ, chẳng phải hành trong xả.

Phật dạy: Bồ-đề của Bồ-tát cũng như vậy, chẳng phải hành trong thủ, chẳng phải hành trong xả. Nay Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? A-la-hán ở trong mộng, Bồ-đề hành chỗ nào? Hành ở trong thủ hay hành ở trong xả?

Thưa không, bạch Thế Tôn! Chẳng phải hành trong thủ, chẳng phải hành trong xả, vì A-la-hán không bao giờ ngủ, làm sao có Bồ-đề trong mộng hoặc hành trong thủ, hoặc hành trong xả!

Nay Tu-bồ-đề! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Bồ-tát cũng như vậy, chẳng phải hành trong thủ, chẳng phải hành trong xả; nghĩa là hành trong sắc cho đến hành trong trí Nhất thiết chủng.

Bạch đức Thế Tôn! Phải chăng không có Bồ-tát không hành mười địa, không hành sáu Ba-la-mật, không hành ba mươi bảy pháp trợ đạo,

không hành mười bốn không, không hành các thiền định, giải thoát, tam-muội, không hành mười lực của Phật cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình mà an trú trong năm thần thông, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Như lời ông nói, Bồ-tát không có chỗ hành. Nếu không đầy đủ mười địa, sáu Ba-la-mật, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo, môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô tác, mười lực của Phật cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình, thường hành pháp xả, pháp không sai lầm; không đầy đủ các pháp ấy thì trọn không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát ấy trú trong tướng sắc, trú trong tướng thọ, tướng, hành, thức, trú trong tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có thể đầy đủ mười địa cho đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tướng ấy thường tịch diệt, không có pháp có thể tăng có thể giảm có thể sinh diệt, có thể nhơ sạch, có thể đắc đạo, có thể đắc quả, vì theo pháp thế đế nên Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa đế. Vì sao? Vì trong đệ nhất nghĩa đế không có sắc cho đến không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có người hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hết thấy pháp ấy đều theo thế đế nên nói chẳng phải đệ nhất nghĩa đế. Nay Tu-bồ-đề! Bồ-tát từ khi mới phát tâm lại đây hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bồ-đề cũng không thêm, chúng sinh cũng không bớt, Bồ-tát cũng không có thêm bớt.

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu người khi mới đắc đạo trú trong tam-muội vô gián được căn vô lậu thành tựu quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán thì theo ông, lúc bấy giờ người ấy có được gì, hoặc mộng, hoặc tâm, hoặc đạo, hoặc đạo quả chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn!

Phật bảo Tu-bồ-đề: Làm sao biết được đạo A-la-hán?

Bạch đức Thế Tôn! Vì theo thế đế nên phân biệt gọi là đạo A-la-hán.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Vì theo pháp thế đế nên nói là Bồ-tát, nói là sắc, thọ, tướng, hành, thức cho đến trí Nhất thiết chủng. Trong Bồ-đề ấy không có pháp có thể được, hoặc thêm hoặc bớt, vì các pháp tính Không. Các pháp tính Không còn không thể được, huống gì được tâm sơ địa cho đến tâm đệ thập địa, sáu Ba-la-mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo, tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác cho đến hết thấy Phật pháp lại có thể có được? Không có lẽ ấy. Như vậy, Bồ-tát hành

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác lợi ích chúng sinh.

LUẬN: Phẩm trên Tu-bồ-đề mỗi mỗi nhân duyên đều vấn nạn: Nếu các pháp là tính Không thì làm sao có năm đường sinh tử, pháp thiện và bất thiện? Nay ở đây vấn nạn về chúng sinh rằng: Nếu chúng sinh rốt ráo không thể có được, thì Bồ-tát vì ai nên hành Bát-nhã Ba-la-mật? Trước là vấn nạn pháp vì chúng sinh, nay vấn nạn chúng sinh vì pháp. Phật đáp: Vì thật tế nên Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật. Còn ý Tu-bồ-đề muốn nói: Vì độ chúng sinh nên Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật. Ý Phật trả lời: Chúng sinh giả danh hư dối, rốt ráo không thể có được; Bồ-tát chỉ vì hết thấy thật pháp nên hành Bát-nhã Ba-la-mật, thật pháp tức là thật tế.

Hỏi: Hết thấy Bồ-tát thấy chúng sinh khổ não, vì độ chúng sinh nên phát tâm đại bi, nay cố gì nói vì thật tế?

Đáp: Bồ-tát mới phát tâm chỉ vì diệt khổ cho chúng sinh nên phát tâm đại bi. Khổ đó là già, bệnh, chết và thân tâm suy não, làm sao diệt khổ ấy? Tìm nhân duyên của khổ là do sinh, như Phật nói trong mười hai nhân duyên: Vì nhân duyên gì nên có già bệnh chết? Là vì có sinh.

Hỏi: Hết thấy chúng sinh cũng đều biết sinh làm nhân duyên cho khổ, vậy Bồ-tát có gì đặc biệt?

Đáp: Chúng sinh không biết do sinh có khổ. Nếu khi gặp khổ chỉ oán hận người khác, còn tự mình có điều không ưa thích, không bao giờ sinh oán mình; vì thế mà tăng trưởng kiết sử nên càng làm tăng trưởng việc sinh, không biết nguyên nhân thật của khổ. Có người không có các sâu não về roi gậy, đao binh, mà chỉ có sự chết khổ, sự chết khổ ấy từ đâu đến? Chính là từ sinh đưa đến.

Lại nữa, roi gậy, đao binh, sâu não đều do sinh nên có; các việc khác hoặc có khổ, hoặc không khổ, còn việc sinh chắc chắn có khổ. Chính ngay người đại trí và chư thiên, hễ có sinh chắc có chết, có chết chắc có khổ. Thế nên biết, sinh chắc chắn là gốc của khổ; như cỏ cây có sinh nên chắc chắn có thể đốt cháy, nếu không sinh thì tuy có lửa dữ, gió mạnh mà cũng không đốt cháy hủy hoại được. Bồ-tát đã biết được nhân duyên của khổ, lại suy đến là do sinh; sinh làm nhân duyên cho hữu: Hữu đây là Dục hữu, Sắc hữu và Vô sắc hữu. Tham đắm ba hữu ấy khởi các nghiệp thiện ác, đó là nhân của sinh. Nhân của hữu là bốn thủ. Nhân duyên của thủ là các phiền não tham, ái... Khi còn bé chưa thể tạo nghiệp, nên gọi là ái; khi khôn lớn, có thể tạo nghiệp nên gọi là thủ. Dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ; vì thủ trước bốn việc ấy nên có

thể khởi tạo các nghiệp. Nhân duyên của ái là ba thọ; nhân duyên của thọ là sáu căn và xúc thọ. Xúc là các tâm số pháp thọ...; căn, trần, thức, ba việc ấy hòa hợp nên trong tâm sinh ra tâm số thọ... Căn bản tuy có ba việc hòa hợp lại mà sinh xúc, làm chỗ nương dựa của sáu căn nên chỉ nói sáu nhập. Nhân duyên của sáu nhập là danh sắc; sáu nhập tuy chính là phần danh sắc, thành tựu gọi là sáu nhập, chưa thành tựu gọi là danh sắc; sắc thành tựu gọi là năm nhập; danh thành tựu gọi là một nhập. Khi ở trong bào thai, do nhân duyên thứ lớp gọi là danh sắc. Nhân duyên của danh sắc là thức, nếu thức không vào thai ngay lúc đầu thì quai thai lúc đầu bị tan rã. Thức là năm uẩn của thân trung ấm, vì năm uẩn đó vi tế nên chỉ gọi là thức. Nếu thức không vào mà thai thành tựu, thì như khi mọi việc khác hòa hợp, đều có thể thành thai cả hay sao?

Hỏi: Do nhân duyên gì mà thức vào thai?

Đáp: Vì nhân duyên của hành. Hành tức là ba nghiệp quá khứ. Nghiệp dẫn thức vào thai, như gió thổi đốm lửa bay đi giữa không, đốm lửa ấy nương nơi gió; đời trước khi làm thân người, vì sáu thức nên khi mệnh chung, nghiệp dẫn thức vào thai.

Hỏi: Nghiệp nói trên kia sao gọi là hữu? Nghiệp nói ở đây sao gọi là hành?

Đáp: Nghiệp trên kia là nghiệp đời nay, vì nó có vị lai nên gọi là hữu. Nghiệp nơi đây là nghiệp đời quá khứ đã diệt rồi, chỉ có tên nên gọi là hành. Nhân duyên của hành ấy do vô minh, hết thấy phiền não tuy là nghiệp duyên quá khứ, nhưng vô minh là căn bản nên chỉ gọi là vô minh. Đời nay chấp trước ái và thủ nhiều nên lấy tên ái và thủ, còn trong quá khứ là chỗ sinh nghi, và tà kiến nhiều, nên chỉ gọi là vô minh. Nay đây cái làm căn bản cho hết thấy khổ não, đó là vô minh.

Hỏi: Sinh tử vô tử triển chuyển rất nhiều, cố sao chỉ giới hạn ngang vô minh?

Đáp: Việc ấy trước đã đáp rồi. Bồ-tát suy nghĩ: Vì người ta từ chỗ khổ được thoát nên tìm nguyên nhân của khổ. Cái khổ già chết quá khứ và hiện tại của chúng sinh không có thể trừ được, chỉ trừ được cái khổ già chết trong đời vị lai, nên dứt sự tương tục, không để cho sinh trở lại. Như vị thầy thuốc giỏi không thể trị bệnh quá khứ, bệnh hiện tại cũng không thể trị, uống thuốc chỉ có thể trị bệnh sắp phát sinh, phá sự nóng lạnh, không cho phát sinh trở lại. Lại như nhà bị lửa cháy, không phải vì ngọn lửa đã qua nên cố gắng diệt, cũng không vì ngọn lửa hiện tại nên cố gắng diệt, chỉ vì ngọn lửa sắp đến, không để cho nó cháy tiếp nên cố gắng diệt. Thầy thuốc giỏi, người chữa lửa siêng dùng phương tiện

không hư phí, Bồ-tát diệt khổ não cho chúng sinh cũng như vậy. Sự khổ quá khứ đã diệt không còn gì để diệt, sự khổ hiện tại do nhân duyên đời trước đã thành tựu nên cũng không thể diệt, chỉ phá nhân duyên các khổ già, chết trong đời tương lai, nên phá sự sinh ấy thì khổ già chết tự nhiên chấm dứt. Thế nên Bồ-tát muốn diệt sự sinh, là nhân duyên của khổ già chết trong đời vị lai. Bồ-tát muốn diệt nhân duyên sinh, nên diệt hữu trong đời hiện tại. Hữu trong đời hiện tại có tám nhân duyên: 1. Nghiệp hữu lậu; 2. Các phiền não hiện tại, đó là bốn hữu và một ái; hai thứ phiền não ấy từ hai tâm số pháp phát sinh, đó là thọ và xúc. Xúc sinh tất cả tâm số pháp, vì xúc sinh trước thọ nên được gọi xúc là nhân duyên của thọ. Thọ tuy sinh ba độc mà đối với chúng sinh ái là phiền não cũ. Nhân duyên của xúc là sáu nhập bên trong, như trước nói. Tuy có sáu nhập bên ngoài, nhưng nếu không có sáu nhập bên trong, thì xúc tâm sở... không sinh được. Thế nên sáu nhập bên trong được gọi tên sáu nhập. Danh và sắc là nhân duyên của sáu nhập như trong đây nói, thức mới vào thai là nhân duyên của danh sắc, thức và danh sắc ở trong thai, nơi đây tuy có sáu nhập, vì chưa thành tựu, chưa thể có tác dụng nên chưa được gọi danh tự sáu nhập mà chỉ gọi là danh sắc. Khi đã sinh hài nhi, chưa thể có tạo nghiệp, chỉ có sáu nhập; dần dần khôn lớn, có sáu xúc, như tiểu nhi đập lửa, đi trên băng, chỉ có xúc chứ chưa biết khổ vui; dần khôn lớn, thọ khổ vui nhưng chưa ưa đắm sâu, như tiểu nhi tuy giận nhưng chưa thể khởi ác nghiệp sát, tuy mừng nhưng chưa thể khởi nghiệp thiện bố thí... Tuổi thành người gặp khổ sinh giận, gặp vui sinh ưa tức là ái; tìm các thứ vui nên có bốn thủ là dục thủ...; khi thủ thì hay khởi lên các nghiệp thiện ác; nếu biết nghiệp duyên nơi vô minh của một đời trước thì có thể nhớ biết muôn đời. Thí như hiện tại lửa nóng, lửa quá khứ vị lai cũng như vậy. Nếu lại tìm gốc ngọn nhân duyên của vô minh thì vô cùng, tức rơi vào biên kiến, mất đạo Niết-bàn, thế nên không nên tìm. Nếu lại tìm thì đọa vào hý luận, chẳng phải Phật pháp. Bồ-tát vì muốn dứt vô minh nên tìm thể tướng vô minh; khi tìm liền vào rốt ráo không. Vì sao? Vì kinh Phật nói tướng vô minh: Là không biết pháp trong, không biết pháp ngoài, không biết pháp trong ngoài. Bồ-tát do nội không mà quán pháp trong, pháp trong liền không; do ngoại không mà quán pháp ngoài, pháp ngoài liền không; do nội ngoại không mà quán pháp trong ngoài, pháp trong ngoài liền không. Như vậy, hết thấy đều là tướng vô minh, như phẩm trước trong kinh Đức Nữ phá vô minh đã nói rộng.

Lại nữa, Bồ-tát tìm thể tướng vô minh tức là minh; nghĩa là thật tướng các pháp gọi là thật tế. Quán các pháp như huyễn như hóa, chúng sinh

vì điên đảo nên khởi các phiền não, gây nghiệp tội ác, luân chuyển năm đường, chịu khổ sinh tử; thí như làm nhả tơ tự trói mình, vào trong nước sôi lửa cháy; chúng sinh phàm phu cũng như vậy, khi mới sinh ra chưa có các phiền não, về sau tự sinh các phiền não tham dục, sân giận, nhân phiền não ấy nên che lấp chân trí, chuyển đổi thân, thọ lửa cháy, nước sôi trong địa ngục. Bồ-tát biết pháp ấy gốc ngọn đều không, chỉ chúng sinh vì điên đảo sai lầm nên thọ khổ như vậy. Bồ-tát đối với chúng sinh ấy khởi tâm từ bi, muốn phá điên đảo ấy nên tìm thật pháp, hành Bát-nhã Ba-la-mật, thông suốt thật tế; dùng mỗi mỗi nhân duyên giáo hóa chúng sinh khiến an trú trong thật tế. Thế nên an trú thật tế, không có lỗi.

Lại nữa, trong kinh nói, nếu chúng sinh tế với thật tế khác nhau thì Bồ-tát không thể hành Bát-nhã Ba-la-mật. Khác là, thật tế rốt ráo không, còn chúng sinh tế quyết định có; nếu như vậy thì nên vấn nạn: Nếu tướng các pháp thật tế là không, làm sao Bồ-tát vì chúng sinh nên tu thật tế ấy? Còn nếu chúng sinh rốt ráo không mà thật tế nhất định có, như vậy không có chúng sinh thì không có lợi ích gì, Bồ-tát vì ai nên hành thật tế? Song nay, chúng sinh tế thật sự không khác với thật tế nên hành Bát-nhã Ba-la-mật; muốn giác ngộ chúng sinh cuồng hoặc, điên đảo nên hành Bát-nhã Ba-la-mật, khiến chúng sinh an trú trong thật tế mà không phá hoại thật tế.

Khi ấy, Tu-bồ-đề lại hỏi: Nếu chúng sinh tế và thật tế không khác nhau, làm sao lấy thật tế để vào thật tế? Tự tính Không thể ở trong tự tính, như đầu ngón tay không thể tự chạm đầu ngón tay? Phật chấp thuận ý ấy rằng: Bồ-tát do sức phương tiện nên kiến lập chúng sinh nơi thật tế, mà chúng sinh và thật tế không khác nhau; chúng sinh và thật tế là một cũng không thể có được. Nếu là một thì phá hoại tướng thật tế. Vì sao? Vì đó là một tính. Bồ-tát biết hai pháp ấy chẳng một chẳng hai, cũng không chẳng một, cũng không chẳng hai, rốt ráo tịch diệt không có tướng hý luân. Bồ-tát sinh tâm đại bi, chỉ muốn kéo chúng sinh ra khỏi điên đảo nên giáo hóa chúng sinh.

Tu-bồ-đề hỏi: Sao gọi là phương tiện?

Phật dạy: Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, do sức phương tiện nên kiến lập chúng sinh trong Thí Ba-la-mật, nói rằng bố thí ấy tiền tế, hậu tế không, trung tế cũng không, như trong Kinh đây nói rộng. Bồ-tát biết thật tế là đạt đến biên tế chúng sinh, như trong phẩm Bố thí trước đã nói. Chúng sinh nghe rồi phát tâm, chẻ mỏng phiền não, rất ưa bố thí. Bồ-tát thương xót chúng sinh: Ta đã từ trong chỗ xan tham kéo họ ra, sao nay lại đắm vào bố thí! Chúng sinh nếu thọ hết phước bố thí trở lại thọ

các khổ não; lại vì hưởng thọ phước đức giàu sang, gây ra tội lớn thì đọa địa ngục. Thế nên thương chúng sinh ấy được vui trong chốc lát mà thọ khổ lâu dài. Do vậy, Bồ-tát vì chúng sinh nói thật tướng của bố thí là rốt ráo không, nói rằng: Sự bố thí quá khứ đã dứt, không thể thấy, không thể nắm bắt được, không thể dùng, chỉ có thể nhớ nghĩ, như nhớ nghĩ việc thấy trong mộng không khác nhau; việc bố thí vị lai chưa sinh nên cũng không có gì, rốt ráo không. Bố thí tiền tế, hậu tế không có như vậy nên trung tế cũng không có, như trong phẩm Phá sáu trần, Phá sắc pháp nói: Việc bố thí hiện tại tuy mắt thấy nhưng phân tích từng phần cho đến vi trần không thể có được. Bố thí trong ba đời không, người thí, người thọ và quả báo cũng như vậy. Bồ-tát nói với người bố thí rằng: Pháp bố thí là cửa ban đầu vào Phật pháp, trong thật tế, tướng thật tế cũng không có, hưởng gì bố thí! Người chớ nghĩ, chớ đắm trước vào pháp bố thí; nếu không nghĩ, không đắm trước thể tướng bố thí, thì người bố thí như vậy mới được vị cam lồ, quả cam lồ.

Vị cam lồ là tám phần thánh đạo; quả cam lồ là Niết-bàn. Bồ-tát tuy trú trong thật tế mà do sức phương tiện đem môn bố thí độ chúng sinh. Các Ba-la-mật khác cũng như vậy.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Nếu hết thấy pháp tính Không, mà trong tính Không có pháp và phi pháp, cũng không có chúng sinh thì Bồ-tát làm sao trú trong tính Không cầu trí Nhất thiết chủng?

Phật dạy: Bồ-tát vì an lập trong tính Không cho nên có thể hành bố thí...

Tu-bồ-đề hỏi: Tính Không phá hết thấy pháp, sạch hết không còn thừa, làm sao Bồ-tát trú trong tính Không mà có thể hành bố thí...

Phật chấp thuận ý Tu-bồ-đề và nói nhân duyên: Bồ-tát biết thật tướng các pháp và trú trong ấy nên có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thật tướng các pháp tức là tính Không. Nếu các pháp là tính chẳng không thì Bồ-tát không thể trú trong tính Không ấy được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và vì chúng sinh thuyết pháp tính Không, là thuyết sắc tính Không, thọ, tưởng, hành, thức tính Không, cho đến trí Nhất thiết chủng và sự dứt phiền não tập khí cũng tính Không.

Lại nữa, nếu tính mười tám Không chẳng Không, thì ấy là phá hoại thể không. Vì sao? Vì mười tám Không, có thể làm cho hết thấy pháp Không, nếu tự mình chẳng Không thì là hư dối. Nếu tự mình chẳng Không thì đọa vào bên chấp thường, sinh ra phiền não. Tính Không, không có trú xứ thật, không từ đâu đến, không đi đến đâu; ấy gọi là pháp tướng thường trú. Pháp tướng thường trú là tên khác của tính Không,

cũng gọi là thật tướng các pháp; trong thật tướng ấy không có sinh diệt, tính Không thêm bớt, tính Không như sạch. Bồ-tát trú trong ấy thấy hết pháp là tính Không, đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không nghi, không hối. Vì sao? Vì không thấy pháp có thể làm chướng ngại; do sức phương tiện nên độ thoát chúng sinh. Sức phương tiện là rốt ráo không có pháp, cũng không có chúng sinh mà vẫn độ chúng sinh.

Hỏi: Nếu chúng sinh và pháp từ trước lại đây không có vậy thì vì ai mà Bồ-tát dùng sức phương tiện, vì ai độ thoát?

Đáp: Tính Không là tính Không cũng không có, ông vì cớ gì thủ lấy tướng của tính Không ấy để vấn nạn? Nếu có tướng của tính Không thì mới nên vấn nạn!

Lại nữa, người biết được thật tướng các pháp là biết tính Không ấy. Người ấy biết các pháp tính Không không có pháp, không có chúng sinh; phạm phu chưa biết được thật tướng nên mỗi mỗi ức tướng phân biệt; thí như người cuồng vọng chấp chỗ thấy biết, cho là thật có. Vì cứu độ người phạm phu cuồng si nên vì chúng sinh nói ở trong si cuồng có phân biệt các pháp ấy, còn trong thật pháp thì không có. Bồ-tát muốn đầy đủ bản nguyện mà không đắm trước tính Không cho nên có thể độ chúng sinh; thì việc ấy không nên vấn nạn.

Lại nữa, trong Kinh này Phật tự nói nhân duyên: Trong tính Không, chúng sinh không thể có được, kẻ biết kẻ thấy cũng không thể có được, cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình cũng như vậy. Song Bồ-tát kiến lập pháp ấy vì chúng sinh thuyết giảng, đây là theo thế đế, chẳng phải thật nghĩa. Trong Kinh đây Phật nêu ví dụ: Như người của Phật biến hóa, người biến hóa ấy hóa làm bốn bộ chúng mà vì họ thuyết pháp, thì có thể có người đắc đạo chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không. Vì sao? Vì thật không có căn bản, làm sao có người đắc Tu-đà-hoàn cho đến Phật quả? Bồ-tát thuyết pháp độ chúng sinh cũng như vậy. Chúng sinh không có thật tướng nhất định, chỉ muốn kéo chúng sinh ra khỏi điên đảo, đặt vào chỗ không điên đảo. Không điên đảo cũng không có xứ sở, trong ấy không có chúng sinh, cho đến không có kẻ biết kẻ thấy. Tuy tính Không là một tướng mà kẻ điên đảo nhiều, kẻ không điên đảo ít; thế nên quý tính Không, không điên đảo ấy. Bồ-tát trú trong ấy chỉ phá vọng tưởng của chúng sinh, chứ không phá chúng sinh. Lại, pháp vô lậu cho đến tám phần thánh đạo, tuy là vô lậu, nhưng vì sinh diệt nên không như đệ nhất nghĩa đế. Nay Tu-bồ-đề! Tính Không ấy chư Phật chỉ có đạo ấy, không có đạo gì khác. Vì sao? Vì chư Phật đều cầu thật trí, cầu pháp không hoại không khác; tuy có mười lực, bốn điều không sợ khác nhau mà không

gọi là một đạo. Vì sao? Vì các pháp ấy đều là pháp hữu vi, vô thường, chuyển biến; trong tính Không ấy không có chúng sinh, cũng không có sắc pháp... Bồ-tát không vì Bồ-tát đạo, mà chỉ vì tính Không cho nên cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hỏi: Thế nào là tính Không, thế nào là Bồ-tát đạo?

Đáp: Trong đệ nhất nghĩa không có phân biệt, trong thế đế có phân biệt. Thật tướng các pháp là tính Không; bố thí... cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình là đạo Bồ-tát. Tuy hành đạo ấy mà không vì đạo ấy, chỉ vì cầu tính Không; thế nên nói không vì Bồ-tát đạo nên hành tính Không. Trước cũng tính Không, giữa cũng tính Không, sau cũng tính Không; từ trước lại đây thường Không, không có người làm, chẳng phải vì sức phước đức nên làm cho không, cũng chẳng phải vì sức trí tuệ nên làm cho Không, chỉ vì tính nó tự như vậy. Chư Phật, Hiền Thánh do sức phước đức lớn, trí tuệ, phương tiện nên phá điền đảo trong tâm chúng sinh khiến biết tính Không; thí như hư không tính thường thanh tịnh, không dính bụi mờ; hoặc khi gió mây che mờ, người đời liền nói hư không không sạch, lại khi gió mạnh thổi sạch mây mờ liền nói hư không trong sạch, mà hư không thật không như không sạch; Phật cũng như vậy. Vì ngọn gió thuyết pháp mạnh thổi hết mây mù điền đảo khiến được trong sạch, nhưng pháp tính thường tự không như không sạch. Bồ-tát vì biết hết thấy pháp là tính Không, cho nên có thể hành các đạo độ chúng sinh. Đây đủ hết thấy đạo, nghiêm tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh, khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tùy ý sống lâu. Tùy ý sống lâu là Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn. Vào Bồ-tát đạo như huyễn, có thể một lúc biến hóa làm ngàn vạn ức thân, ở khắp mười phương tu đầy đủ các Bồ-tát đạo; ở trong mỗi cõi nước tùy thọ mạng của chúng sinh dài ngắn mà thọ thân hình; như đức Thích-Ca Văn Mâu Ni Phật ở cõi nước này sống lâu trăm tuổi còn ở cõi Phật Trang Nghiêm sống lâu vô số kiếp. Phật pháp là đệ nhất, bất khả tư nghì trong năm việc bất khả tư nghì.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Hết thấy pháp tính Không là nhân pháp của chư Phật, nếu ngộ được pháp ấy thì gọi là Phật, nếu thuyết pháp ấy gọi là vì độ chúng sinh. Ba đời các đức Phật đều như vậy. Là tính Không ấy thì không có đạo, không có quả. Đạo là tám phần thánh đạo; quả là bảy bậc quả. Vì sao? Vì nếu là tính Không mà riêng có pháp nhất định thì sinh tâm chấp thủ tướng; chấp thủ tướng nên không thể lìa dục; không lìa dục thì không có đạo, không có quả. Nếu là tính Không thì tuy hành bố thí, trì giới, từ bi hỷ xả, tuy không đọa ác đạo được sinh lên cõi trời, mà khi phước hết thì trở lại đọa vào ác như cũ. Còn hành tính Không cũng không chấp trước

tính Không, tức là Niết-bàn. Hành các pháp khác, sinh tâm chấp trước nên có thối thất. Nếu hành tính Không này thì không có thối thất.

Tu-bồ-đề vui mừng bạch Phật rằng: Rất hy hữu! Bồ-tát hành tính Không ấy cũng không phá hoại tướng của tính Không.

Phật dạy: Nếu sắc pháp... với tính Không khác nhau, thì Bồ-tát không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì có pháp nhất định thì không thể xa lìa. Nay sắc pháp... tính thật Không, Bồ-tát biết pháp ấy rồi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì trong ấy không có một pháp nhất định thường, chỉ phàm phu vì sinh tâm chấp ngã, đắm trước pháp trong, pháp ngoài, không được giải thoát sinh già bệnh chết; thế nên Bồ-tát hành tính Không ấy, hòa hợp với sáu Ba-la-mật, không phá hoại tướng các pháp sắc... nghĩa là không nói sắc... hoặc không, hoặc chẳng không, hoặc không chẳng không, hoặc chẳng phải không chẳng phải chẳng không; không nói, không chỉ bày các pháp tướng như vậy, ấy gọi là không phá hoại. Vì sao? Vì thật tướng của sắc tức là tính Không, tính Không thì làm sao tự phá hoại tính Không? Cho đến tính Bồ-đề cũng như vậy. Trong Kinh đây Phật nói thí dụ: Hư không bên trong không phá hoại hư không bên ngoài, vì đồng thể.

Tu-bồ-đề hỏi: Nếu các pháp là tính Không, không có sai khác, thì Bồ-tát ở chỗ nào được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Phật chấp thuận ý ấy rằng: Đúng vậy. Nếu phân biệt có hai tướng thì không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là thật trí tuệ, không hành ở trong sắc pháp; nghĩa là không đắm, không nhiễm sắc pháp... Vì sao? Vì trí tuệ ấy không thủ sắc cho nên hành; thế nên không hành trong sắc.

Tu-bồ-đề lại hỏi: Nếu Bồ-đề không hành trong chấp thủ, không hành trong xả, vậy sẽ hành chỗ nào? Thủ là thật pháp; xả bỏ là không pháp. Thủ gọi là chấp trước hành; xả bỏ gọi là không chấp trước hành. Thủ gọi là hai hành; xả bỏ gọi là không hai hành; phân biệt như vậy.

Phật hỏi ngược lại Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao? Người của Phật biến hóa ra hành ở chỗ nào? Tu-bồ-đề thưa: Người biến hóa ấy không có chỗ hành, vì người biến hóa không có tâm tâm số pháp; Bồ-đề cũng như vậy. Phật lại hỏi: Ý ông nghĩ sao? Bồ-đề của A-la-hán ở trong mộng, hành ở chỗ nào?

Tu-bồ-đề thưa: A-la-hán còn không ngủ, huống gì Bồ-đề ở trong mộng mà có chỗ hành!

Hỏi: Bồ-đề có ba thứ: A-la-hán Bồ-đề, Bích-chi Phật Bồ-đề và Phật Bồ-đề. A-la-hán không hành trong tâm hữu lậu, không hành trong tâm

vô ký, chỉ hành trong tâm vô lậu, cơ gì Phật hỏi Bồ-đề của A-la-hán trong mộng là hành ở chỗ nào?

Đáp: A-la-hán là thánh nhân sạch hết lậu hoặc nên không có mộng. Phật vì chắc chắn không có chỗ hành nên hỏi để muốn làm rõ nghĩa chắc chắn không hành.

Hỏi: Tu-bồ-đề hỏi: Cho đến Phật còn có ngủ, làm sao biết? Vì Phật thường bảo A-nan: Ông hãy xếp y Uất-đa-la-tăng làm bốn, ta muốn ngủ chút ít. ông hãy thay Ta vì hàng Tỳ-kheo thuyết pháp. Lại, Tác-giá Ni-kiền-tử hỏi Phật: Phật tự nhớ ban ngày có ngủ chăng? Phật đáp: Cuối mùa Xuân, đầu mùa Hạ, vì lúc ấy trời nóng nên Ta ngủ nghỉ chút ít để trừ bệnh hoạn vì ăn. Tác-giá Ni-kiền-tử hỏi Phật: Có các người khác nói: Ngủ ban ngày là tướng si? Phật đáp: Người đê đấy. Người không phân biệt được tướng si. Các lậu hoặc làm tướng tục sinh thân sau không dứt, ấy gọi là tướng si; tuy thường không ngủ cũng là si; nếu các lậu hoặc ấy diệt trừ vĩnh viễn, không còn sót lại thì tuy ngủ mà không gọi là si. Những điều như vậy trong Kinh nhiều nơi nói đến. Tu-bồ-đề cơ gì nói A-la-hán còn không ngủ?

Đáp: Ngủ có hai cách: Một là ngủ có mộng; hai là ngủ không có mộng. A-la-hán không phải vì ham đắm an ổn nên ngủ, mà chỉ vì thọ thân tứ đại nên phải có ăn, có nghỉ, có ngủ, có thức; vì thế trong thời gian chốc lát nghỉ gọi là ngủ, không phải ngủ có mộng. Tu-bồ-đề nói A-la-hán còn không ngủ, có người nói: Người lìa dục được thiền định, bốn đại sắc giới vào trong thân, thân tâm hoan lạc thì không có ngủ. Bạc A-la-hán được tuệ giải thoát, bốn đại sắc giới không vào trong thân nên có ngủ. Thế nên Tu-bồ-đề nói A-la-hán còn không ngủ; vì vậy A-la-hán hoặc có ngủ, không ngủ. Phật do sức phương tiện vì độ chúng sinh, hiện làm thân người nên hiện có ngủ.

Tu-bồ-đề lại hỏi: Nếu không hành thì làm sao Bồ-tát từ sơ địa đến đệ thập địa cho đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Phật chấp thuận ý ấy rằng, Bồ-đề tuy không có chỗ hành, chưa đầy đủ sáu Ba-la-mật, thì trọn không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát ấy trú trong sắc tướng cho đến trú trong tướng Bồ-đề được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không bỏ sắc pháp, cũng không trước tướng Bồ-đề; biết sắc pháp tức là Bồ-đề, thường tịch diệt không có pháp hoặc tăng hoặc giảm, hoặc nơ hoặc sạch, hoặc đặc đạo, hoặc đặc quả. Đây chỉ là theo thế đế nên nói. Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong đệ nhất nghĩa không có sắc cho đến không có Bồ-đề. Phật muốn làm rõ nghĩa ấy nên hỏi ngược lại Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao? Khi ông

dứt phiền não mà đắc đạo, có đắc gì chẳng? Nghĩa là như thân nằm uẩn trong mộng quả chắc chắn có một pháp hoặc đạo hoặc quả chẳng?

Tu-bồ-đề thưa: Không được. Vì sao? Ý Tu-bồ-đề muốn nói: Trú trong môn Vô tướng mà vào đạo thì làm sao thủ tướng? Ý Phật nói: Nếu ông cho đến không thủ đắc mảy may pháp, thì làm sao gọi ông là A-la-hán? Tu-bồ-đề thưa: Theo thế đế nên nói là A-la-hán; trong pháp điền đảo của phàm phu có được, có mất, có chúng sinh, có pháp.

Phật dạy: Bồ-đề cũng như vậy, theo pháp thế đế nên nói có Bồ-tát, nói có sắc pháp cho đến nói có Bồ-đề; trong Bồ-đề không có pháp nhất định, cũng không có chúng sinh, cũng không có Bồ-đề. Bồ-tát quán pháp Bồ-đề ấy không có tăng giảm. Vì sao? Vì pháp tính tự nó như vậy. Bồ-tát cũng không được pháp tính ấy, huống gì có kể từ sơ tâm cho đến đệ thập địa và sáu Ba-la-mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo cho đến mười tám pháp không chung, lại có thể có được? Không có lẽ ấy. Vì sao? Vì các pháp tính là căn bản của hết thảy pháp còn không thể có được, huống gì sáu Ba-la-mật là pháp có tạo tác lại có thật tướng nhất định? Như vậy, Bồ-tát hành pháp tính ấy khi được thành Phật có thể làm lợi ích lớn cho chúng sinh.